

Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN*
TRẦN THỊ GIANG**

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích các nhân tố tác động đến đánh giá của các hộ nghèo về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Thông qua khảo sát 100 hộ nghèo thuộc 7 xã của huyện Nông Sơn kết hợp với thực trạng công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn Huyện, kết quả nghiên cứu cho thấy, có 3 nhân tố: Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội; Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững; Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương tác động quan trọng đến đánh giá của các hộ nghèo về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn Huyện. Trong đó, nhân tố Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội có tác động mạnh nhất.

Từ khóa: công tác giảm nghèo bền vững, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, hộ nghèo, chính sách hỗ trợ

Summary

The study analyzes factors affecting poor households' assessment of sustainable poverty reduction in Nong Son district, Quang Nam province. Through a survey of 100 poor households in 7 communes of Nong Son district combined with the current situation of sustainable poverty reduction in the district, it indicates that three factors including Policies to support social services; Policies to help households reduce poverty sustainably; Implementation of poverty reduction policies in the locality create important impacts on poor households' assessment. Especially, Policies to support social services has the strongest impact.

Keywords: sustainable poverty reduction, Nong Son district, Quang Nam province, poor households, support policies

GIỚI THIỆU

Nông Sơn là một huyện miền núi thuộc tỉnh Quảng Nam. Trong những năm qua, gắn liền với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn đã được triển khai thực hiện quyết liệt. Các chương trình và chính sách giảm nghèo đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản, cơ sở hạ tầng của Huyện được tăng cường; đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo được cải thiện rõ rệt... Mặc dù vậy, thời gian qua, công

tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn Huyện vẫn còn tồn tại một số khó khăn, bất cập. Do đó, nghiên cứu các nhân tố tác động đến đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam là cần thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Theo nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2015), giảm nghèo bền vững là một quá trình chuyển một bộ phận người nghèo từ tình trạng có ít điều kiện lựa chọn sang tình trạng có đầy đủ điều kiện lựa chọn hơn để cải thiện đời sống mọi mặt của mỗi hộ gia đình nghèo.

*, ** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Ngày nhận bài: 12/5/2021; Ngày phản biện: 15/7/2021; Ngày duyệt đăng: 20/7/2021

BẢNG 1: PHÂN TÍCH NHÂN TỐ ĐỐI VỚI CÁC BIẾN ĐIỀU TRA

Các biến điều tra		Nhân tố		
		1	2	3
Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương	Các chính sách về thực hiện giảm nghèo bền vững ở địa phương đã cải thiện được cuộc sống của hộ nghèo			.859
	Việc tiếp cận, hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo bền vững của hộ tại địa phương			.894
	Công tác tổ chức thực hiện chính sách về giảm nghèo bền vững triển khai tại địa phương công tâm, khách quan			.899
Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững	Những chính sách giảm nghèo triển khai tại địa phương giúp hộ giảm nghèo bền vững	.815		
	Người nghèo được tiếp cận tốt với các nguồn vốn cho vay ưu đãi để phát triển kinh tế	.837		
	Việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm luôn được địa phương quan tâm để giúp hộ nghèo có được việc làm ổn định	.810		
	Công tác chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật để người dân nắm bắt và áp dụng vào sản xuất	.868		
Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội	Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho hộ nghèo được thực hiện tốt		.830	
	Chính sách về hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo được các cấp chính quyền địa phương luôn quan tâm giúp hộ nghèo an cư để ổn định cuộc sống		.814	
	Vấn đề nước sạch, vệ sinh môi trường luôn đảm bảo cho cuộc sống của hộ		.809	
	Việc tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ viễn thông được đáp ứng với nhu cầu của hộ		.824	
Eigenvalue		3.14	2.57	2.20
Sai số Variance do nhân tố phân tích giải thích (%)		28.50	51.89	71.90

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả

Ramya M. Vijaya (2014) phân tích về nghèo đa chiều đi từ hộ đến cá nhân triển khai nghiên cứu tại Ấn Độ đã đề xuất có 4 tiêu chí đánh giá nghèo đa chiều, với 11 chỉ số đo lường. Tiêu chí 1- Giáo dục, với 2 chỉ số đo về tình trạng đi học và nhập học; Tiêu chí 2- Mức sống gồm 6 chỉ số là: Điện, Sàn nhà, Nhiên liệu đun nấu, Nước, Điều kiện vệ sinh và Tình trạng sở hữu hàng lâu bền; Tiêu chí 3 - Tài sản gồm 1 chỉ số đo là đất và nhà; Tiêu chí 4 - Trao quyền, với 2 chỉ số Đánh giá việc cho phép (phụ nữ) đi đến chợ, nhà hộ sinh, cơ sở y tế hay đi ra ngoài làng và Quyền được phép tiếp cận dịch vụ y tế cho nhu cầu riêng.

Ở trong nước, nghiên cứu của Trần Chí Thiện (2007) về thực trạng và giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc vùng núi cao tỉnh Thái Nguyên đã chỉ ra một số nguyên nhân ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân các dân tộc vùng núi cao là: tuổi bình quân của chủ hộ; học vấn; nhân khẩu; diện tích đất nông nghiệp; phương tiện sản xuất; vốn vay và hoạt động của tổ chức khuyến nông.

Nghiên cứu của Nguyễn Trọng Hoài (2005) về ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố tác động đến nghèo đói và đề xuất xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam Bộ đã chỉ ra rằng: Việc làm; Dân tộc thiểu số; Diện tích đất canh tác; Được vay vốn là những biến số có ý nghĩa thống kê để giải thích nguyên nhân ảnh hưởng tới nghèo đói của hộ nông dân.

Đỗ Kim Chung và cộng sự (2015), khi phân tích Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở khu vực Tây Bắc Việt Nam đã chỉ ra rằng, hiệu quả của chương

trình và chính sách giảm nghèo chịu ảnh hưởng bởi: Công tác hoạch định chính sách; Năng lực tổ chức thực hiện; Môi trường kinh doanh và cải cách hành chính; Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Trên cơ sở lược khảo những nghiên cứu đi trước kết hợp với thực trạng công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, nhóm tác giả đề xuất 3 nhân tố tác động đến đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, gồm: Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững; Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội; Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương.

Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã thu thập số liệu thông qua điều tra, khảo sát 100 đối tượng là các hộ nghèo thuộc 7 xã (gồm: Quế Trung, Quế Lộc, Quế Lâm, Quế Phước, Quế Ninh, Sơn Viên, Phước Ninh) trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, trong thời gian năm 2020. Kết quả thu về 100 phiếu điều tra hợp lệ được đưa vào sử dụng trong nghiên cứu (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích nhân tố

Kết quả phân tích nhân tố ở Bảng 1 cho thấy, hệ số tương quan nhân tố với các phần chung (Communalities) có được từ phương pháp quay vòng trực tọa độ Varimax đối với các câu hỏi đều thỏa mãn các yêu cầu mà phương pháp phân tích nhân tố đòi hỏi. Kết quả cho thấy, có 3 nhân tố với giá trị Eigenvalue thỏa mãn điều kiện chuẩn Kaiser > 1. Đồng thời, hệ số tin cậy được tính cho các nhân tố mới này cũng thỏa mãn yêu cầu > 0.5. Do đó, các nhân tố mới này sẽ được sử dụng để tính toán thành các biến mới cho việc phân tích thích hợp để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn.

Các nhân tố này bao gồm:

Nhân tố 1: Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững có giá trị Eigenvalue bằng 3.14 > 1. Nhân tố này được đặt tên là F₁: Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững.

Nhân tố 2: Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội có giá trị

Eigenvalue bằng 2.57 > 1. Nhân tố này được đặt tên là F₂: Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội.

Nhân tố 3: Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương có giá trị Eigenvalue bằng 2.20 > 1. Nhân tố này được đặt tên là F₃: Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương.

Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Kiểm định độ tin cậy Bảng 2 cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha có giá trị trong khoảng 0.7886 - 0.8377 và hệ số tin cậy Cronbach's Alpha toàn bộ là 0.8615, đều gần 0.8 < 0.9; Hệ số tương quan biến tổng có giá trị trong khoảng 0.4942 - 0.5782, đều lớn hơn 0.3. Do đó, có thể kết luận rằng, đây là một thang đo lường tốt.

Bảng 3 cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha có giá trị trong khoảng 0.7920 - 0.8262 và hệ số tin cậy Cronbach's Alpha toàn bộ là 0.8544, đều gần 0.8 < 0.9; Hệ số tương quan biến tổng có giá trị trong khoảng 0.4649-0.5736, đều lớn hơn 0.3. Do đó, có thể kết luận rằng, đây là một thang đo lường tốt.

Bảng 4 cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha có giá trị trong khoảng 0.7853 - 0.8084 và hệ số tin cậy Cronbach's Alpha toàn bộ là 0.8376, đều gần 0.8 < 0.9; Hệ số tương quan biến tổng có giá trị trong khoảng 0.4191-0.4703, đều lớn hơn 0.3. Do đó, có thể kết luận rằng, đây là một thang đo lường tốt.

Phân tích hồi quy

Để thực hiện phân tích hồi quy, nhóm tác giả tiến hành xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính bội, trong đó, biến độc lập là những nhân tố: Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững; Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội; Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương. Biến phụ thuộc là đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Mô hình hồi quy có dạng như sau:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 F_{1i} + \beta_2 F_{2i} + \beta_3 F_{3i} + u_i$$

Trong đó: i là thứ tự mẫu điều tra (i = 1 → 100); β₀, β₁, β₂, β₃: là các hệ số hồi quy tương ứng; F_{1i}: Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững; F_{2i}: Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội; F_{3i}: Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương; Y_i: Biến phụ thuộc (đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam).

BẢNG 2: KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CRONBACH'S ALPHA ĐỐI VỚI NHÂN TỐ CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI ĐỊA PHƯƠNG

	Các biến phân tích	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tương quan	Giá trị Cronbach's Alpha
F₃ - Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương	Các chính sách về thực hiện giảm nghèo bền vững ở địa phương đã cải thiện được cuộc sống của hộ nghèo	3.43	1.1215	0.4942	0.8377
	Việc tiếp cận, hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo bền vững của hộ tại địa phương	3.71	1.0852	0.5766	0.7900
	Công tác tổ chức thực hiện chính sách về giảm nghèo bền vững triển khai tại địa phương công tâm, khách quan	3.66	1.1121	0.5782	0.7886
Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha toàn bộ					0.8615

BẢNG 3: KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CRONBACH'S ALPHA ĐỐI VỚI NHÂN TỐ CHÍNH SÁCH TRIỂN KHAI GIÚP HỘ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

	Các biến phân tích	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tương quan	Giá trị Cronbach's Alpha
F₁ - Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững	Những chính sách giảm nghèo triển khai tại địa phương giúp hộ giảm nghèo bền vững	3.42	1.0068	0.4488	0.8262
	Người nghèo được tiếp cận tốt với các nguồn vốn cho vay ưu đãi để phát triển kinh tế	3.93	1.0372	0.5035	0.8166
	Việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm luôn được địa phương quan tâm để giúp hộ nghèo có được việc làm ổn định	3.17	1.1106	0.4649	0.8239
	Công tác chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật để người dân nắm bắt và áp dụng vào sản xuất	4.01	1.0100	0.5736	0.7920
Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha toàn bộ					0.8544

BẢNG 4: KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CRONBACH'S ALPHA ĐỐI VỚI NHÂN TỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO HƯỚNG DỊCH VỤ XÃ HỘI

	Các biến phân tích	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tương quan	Giá trị Cronbach's Alpha
F₂ - Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội	Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho hộ nghèo được thực hiện tốt	4.31	1.0120	0.4703	0.7902
	Chính sách về hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo được các cấp chính quyền địa phương luôn quan tâm giúp hộ nghèo an cư để ổn định cuộc sống	3.12	1.0757	0.4569	0.7948
	Vấn đề nước sạch, vệ sinh môi trường luôn đảm bảo cho cuộc sống của hộ	3.74	1.2112	0.4191	0.8084
	Việc tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ viễn thông được đáp ứng với nhu cầu của hộ	3.93	1.1393	0.4767	0.7853
Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha toàn bộ					0.8376

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả

Theo Bảng 5, các biến độc lập: Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội có có giá trị t lớn và Sig. < 0.01. Qua đó cho thấy, hệ số hồi quy gắn với các biến độc lập trên có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy 99%; Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững có hệ số hồi quy gắn với các biến độc lập trên có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy 95%; Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương có hệ số hồi quy gắn với các biến độc lập trên có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy 90%. Hay nói cách khác, các biến độc lập

BẢNG 5: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Các biến phân tích	Hệ số hồi quy (β)	Giá trị t	Chỉ số đa cộng tuyến VIF
Hệ số chặn	4.030	81.589***	
Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững	0.111	2.232**	1.000
Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội	0.800	16.124***	1.000
Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương	0.092	1.863*	1.000
Durbin-Watson		2.009	
R-square		0.7366	
F test		89.4740	
Sig.		0.0000	

Ghi chú: *: Độ tin cậy 90%; **: Độ tin cậy 95%; ***: Độ tin cậy 99%

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả

trên tác động lên biến phụ thuộc là đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Phân tích ANOVA cho thấy, thống kê F có Sig. = 0.000 chứng tỏ rằng, mô hình hồi quy xây dựng được là phù hợp với bộ dữ liệu thu thập được.

Hệ số xác định bội $R^2 = 0.7366$, nói lên độ thích hợp của mô hình là 73.66%. Nói cách khác, 73.66% sự biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích chung bởi các biến độc lập trong mô hình.

Kiểm định d của Durbin - Watson cho kết quả $d_U = 1.736 < d = 2.009 < 4 - d_U = 2.264$. Điều này chứng tỏ không có hiện tượng tự tương quan bậc 1 và đảm bảo cho các ước lượng, kiểm định, sai số chuẩn của mô hình là hiệu lực và tin cậy.

Hệ số phóng đại phương sai -VIF của các biến độc lập trong mô hình đều bằng 1, do đó, hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đến mô hình hồi quy.

Do đó, mô hình hồi quy được thiết lập như sau :

$$Y_i = 4.030 + 0.111.F_{1i} + 0.800.F_{2i} + 0.092.F_{3i}$$

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả 3 nhân tố đều tác

động quan trọng đến đánh giá của các đối tượng về công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, theo thứ tự tác động giảm dần, là: Chính sách hỗ trợ theo hướng dịch vụ xã hội; Chính sách triển khai giúp hộ giảm nghèo bền vững; Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương.

Một số đề xuất

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả của công tác giảm nghèo theo hướng bền vững trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, trong thời gian tới, Huyện cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần hoàn thiện, mở rộng chính sách hiện hành đối với người nghèo hướng trực tiếp vào các vấn đề: nâng cao năng lực người nghèo; tạo cơ hội bình đẳng cho người nghèo trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội xã hội cơ bản; trợ giúp đột xuất khi gặp thiên tai, bão lũ và biến đổi khí hậu, hỗ trợ các điều kiện về vốn, con giống... kết hợp tập huấn, hướng dẫn, tạo công ăn việc làm ổn định.

Thứ hai, đổi mới cách tiếp cận trong hỗ trợ giảm nghèo, trước hết là về quan niệm cũng như nhận thức về thế nào là giảm nghèo bền vững; đồng thời, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng các xã trọng điểm, đầu tư đường xá, giao thông, thủy lợi...

Thứ ba, Nhà nước, xã hội và cộng đồng cần nhận thức đúng trách nhiệm thực hiện giảm nghèo, cùng chung tay hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững; đặc biệt là việc tự giác, chủ động thực hiện, có trách nhiệm hơn nữa để vươn lên thoát nghèo của người dân. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Viện Khoa học - Xã hội Việt Nam (2015). *Giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức*
- Nguyễn Trọng Hoài (2005). *Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố tác động đến nghèo đói và đề xuất xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Đông Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ mã số B2004-22-60TĐ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Trần Chí Thiện (2007). *Thực trạng và giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc vùng núi cao tỉnh Thái Nguyên*, Đề tài nghiên cứu cấp trường mã số B2005-18-04, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên
- Đỗ Kim Chung, Nguyễn Phương Lê, Lưu Văn Duy (2015). Thực hiện các chính sách giảm nghèo: Phân tích Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở khu vực Tây Bắc Việt Nam, *Tạp chí Quốc tế về Kinh doanh và Khoa học Xã hội*, 6(9-1), 76-86
- Alkire, S., Roche, J. M., Santos, M. E., Seth, S. (2011). *Multidimensional Poverty*, Index 2011: Brief Methodological Note, OPHI Briefing 07
- Ramya M. Vijaya (2014). Moving from the Household to the Individual: Multidimensional Poverty Analysis, *World Development*, 59, 70-81